

Số: 147/2022/QĐST-HNGĐ

L, ngày 14 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 392/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1963.
- *Bị đơn*: Chị Dương Thị Q, sinh năm 1970.
- Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Q*: Luật sư Đồng Duy Chấn, thuộc Văn phòng Luật sư Đồng Tâm và Cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Cao Xuân H, sinh năm 1980
Đại chỉ: Thôn 11, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An.
2. Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn 7, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An.
3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990
4. Chị Trần Thị Th, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 33, 37, Điều 38, Điều 39 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Văn T và chị Dương Thị Q

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Văn T và chị Dương Thị Q thống nhất vợ chồng có tài sản chung gồm:

- Thửa đất số 45, tờ bản đồ QHPL, diện tích 81 m² tại thôn Giã Khê Làng, TT Đồi Ngô, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có trị giá 2.106.000.000 đồng.

- Thửa đất số 46, tờ bản đồ QHPL, diện tích 81 m² tại thôn Giã Khê Làng, TT Đồi Ngô, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có trị giá 2.106.000.000 đồng.

- Thửa đất số 58, lô số 19, tờ bản đồ số 128 (QHPL), diện tích 149 m² tại khu Công Gạch, Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có trị giá 1.263.000.000 đồng.

- Thửa đất số 62 (lô 26), tờ bản đồ số 132 QHPL, diện tích 90m², tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có trị giá 1.575.000.000 đồng.

- Thửa đất số 176, tờ bản đồ 136 (QHPL), diện tích 100 m² tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có trị giá 1.500.000.000 đồng, tài sản gắn liền với đất có 01 nhà 2 tầng cấp 3 loại 2 trị giá 336.960.000 đồng; 01 ki ốt diện tích 40m² trị giá 17.200.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 1.854.160.000 đồng.

- Thửa đất lô số 113, tờ bản đồ QHPL, có diện tích 81 m² tại thôn Thanh Giã 2, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có trị giá 1.300.000.000 đồng.

- Thửa đất số 46, tờ bản đồ 129, có diện tích 694.2 m² (gồm 360m² đất ở và 334,2 m² đất trồng cây lâu năm) tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có trị giá 685.230.000 đồng. Tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà ở cấp 3 loại 3, diện tích 72m² trị giá 91.368.000 đồng; 01 nhà bếp loại B diện tích 48,26m² trị giá 9.941.500 đồng; 01 mái tôn mới 42m trị giá 6.300.000 đồng; 01 mái tôn cũ dài 91,5m, trị giá 6.862.000 đồng; 4 cây bưởi đường kính gốc 14cm trị giá 9.224.000 đồng; 01 cây bưởi đường kính gốc 5cm trị giá 623.000 đồng; 04 cây H xiêm trị giá 1.808.000 đồng; 05 cây Mít, đường kính gốc 10cm trị giá 2.020.000 đồng; 01 cây Nhãn đường kính tán lá 3,7m, trị giá 437.000 đồng; 02 cây Mít đường kính gốc 5cm, trị giá 604.000 đồng, tài sản trên đất trị giá 129.185.500 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 814.415.500 đồng.

- 05 thửa đất nông nghiệp thuộc tờ bản đồ 82 tại Xứ Đồng Công Gạch, thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Gồm các thửa: Thửa số 255, diện tích 243,6m²; thửa số 283, diện tích 332,4m²; thửa số 300, diện tích 642,4m², thửa số 232, diện tích 845,9m²; thửa số 299, diện tích 1.009,7m², tổng diện tích 3.074m², trị giá 153.700.000 đồng.

- Các động sản gồm:

+ 01 xe ô tô hiệu TOYOTA-WGO 05 chỗ, BKS 98A 37458, trị giá 300.000.000đ

+ 01 xe mô tô hiệu Airblade, BKS 98B2 49006, trị giá 20.000.000đ

+ 01 xe mô tô hiệu YAMAHA- Sirius, BKS 98M3 1414, trị giá 2.000.000đ

+ 01 xe mô tô hiệu Drem, BKS 98L4 3098, trị giá 2.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản là: 11.496.275.500 đồng (Mười một tỷ, bốn trăm, chín mươi sáu triệu, hai trăm, bảy mươi lăm nghìn, năm trăm đồng)

- **Về nợ chung:** Nợ anh Nguyễn Công H số T 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn) T mua xương Ngựa và Ngựa Bạch sống.

Anh T trực tiếp sở hữu và sử dụng những tài sản gồm:

- Thửa đất số 45, tờ bản đồ QHPL, có diện tích 81 m² tại thôn Già Khê Làng, xã Tiên Hưng (nay là TT Đồi Ngô), huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trị giá 2.106.000.000đ (hai tỷ một trăm linh sáu triệu đồng)

- Thửa đất số 46, tờ bản đồ 129, có diện tích 694.2 m² (gồm 360m² đất ở và 334,2 m² đất trồng cây lâu năm) tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có trị giá 685.230.000 đồng. Tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà ở cấp 3 loại 3, diện tích 72m² trị giá 91.368.000 đồng; 01 nhà bếp loại B diện tích 48,26m² trị giá 9.941.500 đồng; 01 mái tôn mới 42m trị giá 6.300.000 đồng; 01 mái tôn cũ dài 91,5m, trị giá 6.862.000 đồng; 4 cây bưởi đường kính gốc 14cm trị giá 9.224.000 đồng; 01 cây bưởi đường kính gốc 5cm trị giá 623.000 đồng; 04 cây H xiêm trị giá 1.808.000 đồng; 05 cây Mít, đường kính gốc 10 cm trị giá 2.020.000 đồng; 01 cây Nhãn đường kính tán lá 3,7m, trị giá 437.000 đồng; 02 cây Mít đường kính gốc 5cm, trị giá 604.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 129.185.500 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất là 814.415.500 đồng.

- Thửa đất có diện tích 81 m², tại thôn Thanh Giã 2, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trị giá 1.300.000.000đ.

- Thửa đất số 19, tờ bản đồ QHPL, diện tích 149 m² tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trị giá 1.263.000.000đ.

- 04 thửa đất nông nghiệp gồm: Thửa số 255, diện tích 243,6m²; thửa số 283, diện tích 332,4m²; thửa số 300, diện tích 642,4m²; thửa số 299, diện tích 1.009,7m² có tổng diện tích 2.228,1m², trị giá 111.405.000 đồng.

- Các động sản gồm:

+ 01 xe ô tô hiệu TOYOTA-WGO 05 chỗ, BKS 98A 37458, trị giá 300.000.000đ

+ 01 xe mô tô hiệu Airblade, BKS 98B2 49006 trị giá 20.000.000đ

- + 01 xe mô tô hiệu YAMAHA- Sirius, BKS 98M3 1414 trị giá 2.000.000đ
- + 01 xe mô tô hiệu Drem, BKS 98L4 3098, trị giá 2.000.000đ

Tổng giá trị tài sản là: 5.918.820.500 đồng.

Chị Q trực tiếp sở hữu và sử dụng những tài sản gồm:

- Thừa đất số 46, tờ bản đồ QHPL, có diện tích 81 m² tại thôn Già Khê Làng, xã Tiên Hưng (nay là TT Đồi Ngô), huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trị giá 2.106.000.000đ.

- Thừa đất số 176, tờ bản đồ 136 (QHPL), diện tích 100 m² tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, đất có trị giá 1.500.000.000 đồng. Tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà 2 tầng cấp 3 loại 2 trị giá 336.960.000 đồng; 01 ki ốt diện tích 40m² trị giá 17.200.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 1.854.160.000 đồng.

- Thừa đất số 26, tờ bản đồ QHPL, diện tích 90m² nay là thửa số 62 (lô 26) tờ bản đồ số 132 (QHPL) tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, trị giá 1.575.000.000đ.

- 01 thửa đất nông nghiệp số 232, diện tích 845,9m² thuộc tờ bản đồ 82 tại Xứ Đồng Cống Gạch, thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, trị giá 42.295.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 5.577.455.000 đồng

- Anh T có trách nhiệm thanh toán T chênh lệch giá trị tài sản cho chị Q là: 170.682.750 đồng (Một trăm bảy mươi triệu, sáu trăm, tám mươi hai nghìn, bảy trăm, năm mươi đồng)

- **Về nợ chung:** Anh T và chị Q phải thanh toán trả anh Nguyễn Công H số T 170 triệu đồng. Anh T và chị Q mỗi người phải trả 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng).

- Án phí và chi phí tố tụng:

+ Chi phí đo vẽ, thẩm định và định giá tài sản hết 33 triệu đồng, anh T và chị Q mỗi người phải chịu 16.500.000 đồng. Xác nhận anh T và chị Q đã nộp đủ.

+ Án phí ly hôn: Anh T tự nguyện chịu 150.000 đồng T án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T và chị Q mỗi người phải chịu số T án phí chia tài sản là: 56.824.818 đồng (Năm mươi sáu triệu, tám trăm, hai mươi tư nghìn, tám trăm mười tám đồng).

+ Án phí giải quyết nợ: Anh T và chị Q mỗi người phải chịu 2.125.000 đồng (Hai triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Tổng số T án phí anh T phải chịu là: 150.000 đồng T án phí ly hôn sơ thẩm; 56.824.818 đồng T án phí chia tài sản; 2.125.000 đồng T án phí giải quyết nợ; tổng 59.099.818 đồng, nhưng được trừ vào số T 300.000 đồng T tạm ứng án phí anh T đã nộp tại biên lai thu số 0013417 ngày 26/11/2021 và 39.200.000 đồng tại biên lai thu số 0013422 ngày 26/11/2021 của Chi cục Th hành án dân sự huyện L. Anh T còn phải nộp tiếp 19.599.818 đồng (Mười chín triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm mười tám đồng)

Tổng số T án phí chị Q phải chịu là: 56.824.818 đồng T án phí chia tài sản; 2.125.000 đồng T án phí giải quyết nợ; tổng 58.949.818 đồng, nhưng được trừ vào số T tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 8.700.000 đồng tại biên lai thu số 0013454 ngày 16/12/2021 của Chi cục Th hành án dân sự huyện L. Chị Q còn phải nộp tiếp 50.249.818 đồng (Năm mươi triệu, hai trăm, bốn mươi chín nghìn, tám trăm mười tám đồng)

Trường hợp bản án, quyết định được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thoả thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T, L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Thu Thủy

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).